

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT THÀNH PHỐ

Số: 1917 /TTKSBT-DVTTYT
V/v cung cấp báo giá hóa chất,
sinh phẩm, vật tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá kế hoạch làm cơ sở thực hiện Kế hoạch mua hóa chất, sinh phẩm, vật tư phục vụ Chương trình sức khỏe năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược - Vật tư Y tế - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: số 366A Âu Dương Lân, phường 03, quận 08, TP. Hồ Chí Minh. Số điện thoại: (028). 39242717, 39234629. Line: 176.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược - Vật tư Y tế - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố, số 366A Âu Dương Lân, phường 03, quận 08, TP.HCM.

Thư báo giá có đóng dấu của đơn vị, bỏ vào phong bì dán kín, đóng dấu niêm phong; ngoài bì thư ghi rõ "Thư báo giá theo yêu cầu báo giá số: 1917/TTKSBT-DVTTYT ngày 12/06/2024".

- Nhận qua email: khoaduoc@hcdc.gov.vn (Báo giá file mềm)

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 12 tháng 06 năm 2024 đến trước 16h00 ngày 18 tháng 06 năm 2024

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 1 năm, kể từ ngày 18 tháng 06 năm 2024

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa.

| STT | Tên hàng hóa | Mô tả yêu cầu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính |
|-----|--|---|-------------|
| 1 | Hóa chất xét nghiệm kháng thể Dengue IgM | Có chứng nhận IVD Được Bộ Y tế cho phép sử dụng Sử dụng nguyên lý Elisa sandwich phát hiện kháng thể IgM chẩn đoán bệnh sốt xuất huyết Sử dụng được trên máy Etimax hoặc tương đương | Test |

| STT | Tên hàng hóa | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính |
|-----|--|---|-------------|
| 2 | Hóa chất xét nghiệm kháng thể Measles IgM | Có chứng nhận IVD Được Bộ Y tế cho phép sử dụng Sử dụng nguyên lý Elisa chẩn đoán sởi sandwich Sử dụng được trên máy Etimax hoặc tương đương Độ nhạy $\geq 96\%$. Độ đặc hiệu $\geq 99\%$. | Test |
| 3 | Hóa chất bổ trợ để loại bỏ các yếu tố dạng thấp RF IgM | Hóa chất dùng để loại bỏ các yếu tố dạng thấp gM trong huyết thanh/huyết tương để chuẩn bị mẫu trước khi xác định sự hiện diện của IgM đặc hiệu. | Hộp |
| 4 | Bộ sinh phẩm xét nghiệm Real-time PCR phát hiện Bordetella Pertussis | Đạt chuẩn CE-IVD, ISO 13485 (hoặc tương đương) Trình tự mục tiêu: IS1002 (Bordetella pertussis/parapertussis), IS1001 (B. parapertussis) Độ đặc hiệu phân tích: B. pertussis (BP) 100 %, B. parapertussis (BPP) 100 % Độ nhạy phân tích (LoD): $\leq 0,212$ cp/ μ l (Sử dụng AmpliRun® Bordetella pertussis DNA control, Vircell) Loại mẫu: Aspirate, Đờm, phết Kênh màu yêu cầu: FAM (BP), HEX/JOE/VIC (IC), Cy5 (BPP) Đóng gói: ≤ 50 test/hộp | Test |
| 5 | Bộ mỗi Den 1, Den 2, Den3, Den 4 mỗi ống 200Nm | Bộ mỗi Den 1, Den 2, Den3, Den 4 mỗi ống 200Nm: - Nồng độ tổng hợp: 200nmol theo trình tự yêu cầu, độ dài có thể tổng hợp lên đến 90 Nu Đạt chứng chỉ ISO 9001, ISO 13485 Nồng độ đảm bảo khi giao hàng: tối thiểu 15 Ods Mỗi cung cấp dưới dạng tinh sạch khử muối và được làm đông khô. Ống/200 nmol Cung cấp bao gồm: • Primer D1F [CAAAGGAAGTCGTGCAATA] • Primer D1C [CTGAGTGAATTCTCTTCTCTACTGAACC] • Primer D2F [CAGGTTATGGCACTGTCACGAT] • Primer D2C [CCATCTGCAGCAACACCATCTC] • Primer D3F [GGACTGGACACACGCACTCA] • Primer D3C [CATGTCTCTACCTTCTCGACTTGTCT] • Primer D4F [TTGTCCTAATGATGCTGGTCG] • Primer D4C [TCCACCTGAGACTCCTTCCA] • Chứng nội để kiểm soát toàn bộ quy trình tách chiết và real time: CAAAGGAAGTCGTGCAATATGGTACATGTGGT TGGGAGCACGCTTTCTAGAGTTCGAAGCTCTTGG TTTCATGAACGAAGACCACTGGTTCAGTAGAGA GAATTCACCTCAGatCAGGTTATGGCACTGTCACG ATGGAGTGCTCTCCGAGAACAGGCCTCGACTTC AATGAGATGGTGTGCTGCAGATGGatGGACTGG ACACACGCACTCAAACCTGGATGTCGGCTGAAG GAGCTTGGAGACAAGTCGAGAAGGTAGAGACAT | Bộ |

| STT | Tên hàng hóa | Mô tả yêu cầu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính |
|-----|---|--|-------------|
| | | <p>GatTTGTCCTAATGATGCTGGTCGCCCATCCTAC GGAATGCGATGCGTAGGAGTAGGAAACAGAGAC TTTGTGGAAGGAGTCTCAGGTGGA</p> <p>Đặc tính: + Tổng hợp đoạn DNA sợi đôi, độ dài 300-700bp theo yêu cầu + Chèn vào vector pUC19 hoặc pJET 1,2 + Hiệu suất tổng hợp 2-3 ug/ống</p> | |
| 6 | Bộ probe Den 1, Den 2, Den3, Den 4 mỗi ống 200nM | <ul style="list-style-type: none"> - Nồng độ tổng hợp 200 nmol - Nồng độ đảm bảo khi giao hàng: tối thiểu có thể đạt 25 nmol - Tinh sạch bằng HPLC hoặc PAGE và được làm đông khô - QC: Phát hiện RP-HPLC $\geq 90\%$, độ lệch trọng lượng phân E501 từ phát hiện LC-MS $< 0,1\%$ - Đạt chứng chỉ ISO 9001, ISO 13485 - Ống/200 nmol - Cung cấp bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Probe DENV1 [FAM-CATGTGGTTGGGAGCACGC-BHQ1] • Probe DENV2 [JOE-CTCTCCGAGAACAGGCCTCGACTTCAA-BHQ1] • Probe DENV3 [TEXAS RED-ACCTGGATGTCGGCTGAAGGAGCTTG-BHQ2] • Probe DENV4 [CY5-TTCCTACTCCTACGCATCGCATTCCG-BHQ3] | Bộ |
| 7 | Bộ môi Zika1087 CCGCTGCCCAA CACAAG, Zika1163c CACTAACGTTC TTTTGCAGACA T mỗi ống 200nM | <p>Bộ môi Zika1087, Zika1163c mỗi ống 200 nmol:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nồng độ tổng hợp: 200nmol theo trình tự yêu cầu, độ dài có thể tổng hợp lên đến 90 Nu - Đạt chứng chỉ ISO 9001, ISO 13485 - Nồng độ đảm bảo khi giao hàng: tối thiểu 15 Ods - Môi cung cấp dưới dạng tinh sạch khử muối và được làm đông khô. - Ống/200 nmol - Cung cấp bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Primer Zika1087 [CCGCTGCCCAAACAAG] • Primer Zika1163c [CACTAACGTTCTTTTGCAGACAT] • Chứng nội để kiểm soát toàn bộ quy trình tách chiết và real time: <p>CCGCTGCCCAAACAAGGTGAAGCCTACCTTGA CAAGCAGTCAGACACTCAATATGTCTGCAAAAAG AACGTTAGTG</p> <p>Đặc tính: + Tổng hợp đoạn DNA sợi đôi, độ dài 76bp theo yêu cầu + Chèn vào vector pUC19 hoặc pJET 1,2 + Hiệu suất tổng hợp 2-3 ug/ống</p> | Bộ |
| 8 | Bộ probe Zika mỗi ống 200nM | <ul style="list-style-type: none"> - Nồng độ tổng hợp 200 nmol - Nồng độ đảm bảo khi giao hàng: tối thiểu có thể đạt 25 | Bộ |

UNIVERSITY OF
HANOI
* * *

| STT | Tên hàng hóa | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính |
|-----|--|---|-------------|
| | | <p>nmol</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tinh sạch bằng HPLC hoặc PAGE và được làm đông khô - QC: Phát hiện RP-HPLC $\geq 90\%$, độ lệch trọng lượng phân E501 từ phát hiện LC-MS $< 0,1\%$ - Đạt chứng chỉ ISO 9001, ISO 13485 - Ống/200 nmol - Cung cấp bao gồm: Probe Zika: [FAM AGCCTACCTTGACAAGCAGTCA GACTCAA] | |
| 9 | Sinh phẩm xét nghiệm realtime RT-PCR phát hiện ENTEROVIRUS 71 | <p>Đạt chuẩn CE-IVD, ISO 13485</p> <p>Được Bộ Y tế cho phép sử dụng</p> <p>Độ đặc hiệu: 100% các mầm bệnh khác có khả năng hiện diện trong mẫu không được phát hiện bởi xét nghiệm này</p> <p>Độ nhạy: phát hiện 100% ENTEROVIRUS-71 RNA với độ nhạy ≤ 1.000 copies/ ml mẫu</p> <p>Dùng tương thích trên các dòng máy Roche, ABI 7.500 fast, Agilent Mx</p> <p>Cung cấp bao gồm chứng nội để kiểm soát toàn bộ quy trình tách chiết và real time</p> | Test |
| 10 | Sinh phẩm xét nghiệm realtime RT-PCR phát hiện SARS-CoV-2 | <p>Đạt chuẩn CE-IVD</p> <p>Được Bộ Y tế cho phép sử dụng (có trong danh mục hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm phát hiện SARS CoV-2 của Bộ Y tế ban hành)</p> <p>Vùng gen phát hiện : E và N trong 1 phản ứng</p> <p>Giới hạn phát hiện: LoD < 5 bản sao/phản ứng</p> <p>Độ đặc hiệu: 100% các mầm bệnh khác có khả năng hiện diện trong mẫu đường hô hấp không được phát hiện bởi xét nghiệm này</p> <p>Độ nhạy lâm sàng: 100%</p> <p>Độ đặc hiệu lâm sàng: 100%</p> <p>Thời gian xét nghiệm cho 1 lần chạy máy nhỏ hơn hoặc bằng 60 phút</p> <p>Dùng tương thích trên các dòng máy Roche, ABI 7.500 fast, Agilent Mx</p> <p>Cung cấp bao gồm chứng nội để kiểm soát toàn bộ quy trình tách chiết và real time</p> | Test |
| 11 | Chứng tách chiết EAV dung chung với Bộ primer và probe đặc hiệu cho Sarbecovirus SARS-CoV-2 (mục trên) | <p>Đoạn gen dài 70 bp của Equine Arteritis Virus được khuếch đại sử dụng mỗi đặc trưng và phát hiện bằng môi thủy phân đánh dấu Atto647.</p> <p>Sử dụng là mục tiêu chứng tách chiết là RNA được mã hóa in-vitro mà không phải RNA virus hoặc là toàn bộ virus.</p> <p>Giá trị Cp của mẫu được bỏ chứng tách chiết nằm trong khoảng 30 ± 3.</p> <p>Được khuyến cáo của nhà sản xuất có thể dung chung Bộ primer và probe đặc hiệu cho Sarbecovirus SARS-CoV-2</p> <p>Đóng gói: gói /96 tests</p> | Test |
| 12 | Bộ sinh phẩm xét | Đạt chuẩn CE-IVD, ISO 13485 (hoặc tương đương) | Test |

| STT | Tên hàng hóa | Mô tả yêu cầu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính |
|-----|--|--|-------------|
| | nghiệm 6 mầm bệnh hô hấp | Kỹ thuật: Real-time PCR Mục đích sử dụng: Bộ kit xét nghiệm phân biệt 6 tác nhân gây viêm đường hô hấp trên bao gồm influenza A virus, influenza B virus, respiratory syncytial virus, adenovirus, human rhinovirus and mycoplasma pneumonia bằng công nghệ Realtime PCR Có độ nhạy cao: + Influenza A virus: ≤ 2 TCID50/ml + Influenza B virus: ≤ 2 TCID50/ml + Respiratory syncytial virus: ≤ 500 copies/ml + Adenovirus virus: ≤ 500 copies/ml + Human rhinovirus: ≤ 500 copies/ml + mycoplasma pneumonia: ≤ 500 copies/ml Sử dụng đối chứng nội nội sinh GAPDH Gene hay tương đương Đóng gói: ≤ 50 test/hộp | |
| 13 | Hóa chất khử trùng Cloramin B | Tẩy rửa sát trùng dạng bột có đặc tính đa năng, có tính năng diệt trùng cao, công tác khử trùng, khử khuẩn trong gia dụng và trong y tế. Sodium Benzensulfochloramin (Hàm lượng Clo hoạt động tối thiểu 25%) Đóng gói: 1 kg/bịch | Kg |
| 14 | Hóa chất diệt côn trùng Permethrine | - Hàm lượng Permethrin ≥ 500 g/lít hoặc 50% (w/v) - Dạng nhũ dầu: EC, ME, EW, OD, OS, SE - Tan hoàn toàn trong nước | Lít |
| 15 | Hóa chất diệt côn trùng Deltamethrine | - Hàm lượng Deltamethrine $\geq 2\%$ - Dạng nhũ dầu: EC, ME, EW, OD, OS, SE - Tan hoàn toàn trong nước | Lít |
| 16 | Alpha-Cypermethrin | - Hoạt chất Alpha-Cypermethrin ≥ 100 g /lít - Dạng SC (huyền phù) - Tan hoàn toàn trong nước | Lít |
| 17 | Temephos | - Hàm lượng Temephos $\geq 1\%$ - Dạng hạt cát - Tan chậm trong nước | Kg |
| 18 | Flocoumafen | - Hàm lượng hoạt chất Flocoumafen ≥ 50 mg/kg - Dạng viên hoặc khối rắn - Đã được hòa trộn với thức ăn của chuột | Kg |
| 19 | Bơm kim tiêm nhựa tự khóa loại 0,1 ml kèm kim 27G3/8 | A. CÁC TIÊU CHUẨN CHUNG. Gồm 6 tiêu chuẩn sau: 1. Bơm tiêm làm bằng nhựa dùng một lần để tiêm trong da vắc xin BCG cho trẻ sơ sinh. 2. Dung tích bơm tiêm là 0,1ml. 3. Cỡ kim là 27G 3/8” 4. Các nguyên vật liệu để làm bơm tiêm: xy lanh, piston, kim tiêm (độc kim, thân kim...) là những nguyên vật liệu được phép sử dụng trong y tế. 5. Bơm tiêm phải có tính năng tự khoá (hay còn được gọi là tự hóc, tự hủy, thuật ngữ tiếng Anh là Auto-Disable) có nghĩa là sau khi vắc xin hoặc dung dịch tiêm truyền được hút đủ liều vào trong bơm tiêm rồi tiêm hết | Cây |

| STT | Tên hàng hóa | Mô tả yêu cầu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính |
|-----|--------------|---|-------------|
| | | <p>thì không thể kéo piston trở lại để hút vắc xin hoặc dung dịch tiêm truyền lần thứ 2 được nữa.</p> <p>6. Tập hợp bơm tiêm, kim tiêm, nắp chụp bảo vệ được hàn kín trong một đơn vị đóng gói, và sau đó được xử lý tiệt trùng theo quy trình tiệt trùng kín.</p> <p>B. TIÊU CHUẨN VỀ BƠM TIÊM. Gồm 7 tiêu chuẩn</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phải đảm bảo độ trong để dễ dàng xem được liều lượng. 2. Không có chất gây sốt (pyrogene) và không có độc tố. 3. Không có các yếu tố ngoại lai tại bề mặt phía trong của bơm tiêm nơi tiếp xúc với dung dịch tiêm truyền. 4. Vạch chia dung tích phải rõ nét, đều, chạy dọc theo chiều dài của bơm tiêm. Vạch chia và chữ số phải bám chắc vào thành bơm tiêm, không được bong tróc khi chạm tay vào. 5. Khi trục piston ở tư thế lỏng hoàn toàn vào trong xy lanh của bơm tiêm thì vạch chuẩn của piston phải khớp với vạch số 0 của thang chia. 6. Khi sử dụng khí và dung dịch tiêm không được lọt qua gioăng (đầu bịt piston). 7. Bơm tiêm và đốc kim tiêm là một khối. <p>C. TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VỀ KIM TIÊM. Gồm 8 tiêu chuẩn</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không có chất gây sốt (pyrogene) và không có độc tố. 2. Bề mặt kim tiêm phải nhẵn bóng sạch sẽ không có tạp chất khi nhìn bằng mắt thường. 3. Thân kim tiêm làm bằng thép không rỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị gãy, không bị uốn trong điều kiện sử dụng bình thường. 4. Thiết kế đầu kim với mặt vát 3 chiều. Đường kính độ dài kim tiêm phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế; chiều dài đầu vát của mũi kim tiêm $\leq 1,2\text{mm}$ để đảm bảo kỹ thuật tiêm trong da. 5. Đốc kim được nhuộm màu theo tiêu chuẩn quốc tế. 6. Bề mặt của đốc kim không có lỗi kỹ thuật do nhà sản xuất. 7. Liên kết giữa đốc kim và thân kim chắc chắn không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim trong điều kiện sử dụng bình thường. 8. Có nắp đậy đầu kim. <p>D. TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VỀ ĐÓNG GÓI. Gồm 2 tiêu chuẩn</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn vị đóng gói phải được in đủ các thành phần sau: loại bơm kim tiêm, tên nhà sản xuất và địa chỉ đăng ký của nhà sản xuất, đã được tiệt trùng, dung tích, cỡ | |

| STT | Tên hàng hóa | Mô tả yêu cầu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính |
|-----|--|--|-------------|
| | | <p>kim, chiều dài kim, lô sản phẩm, ngày sản xuất, hạn sử dụng</p> <p>2. Mỗi chiếc bơm kim tiêm được đóng gói riêng biệt</p> <p>3. Hạn sử dụng của sản phẩm hoàn thiện tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận hàng.</p> <p>E. TIÊU CHUẨN KHÁC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm bơm kim tiêm nhựa tự khóa phải đạt tiêu chuẩn PQS (Performance Quality Safety) mới nhất của WHO - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, ISO 9001 | |
| 20 | Que thử đường huyết mao mạch | <p>Que thử đo được lượng đường trong máu toàn phần Máu được thấm qua đầu que thử và được hút tự động để đo phản ứng</p> <p>Phạm vi đo: 1,1-33,3 mmol/L; Lượng mẫu máu $\leq 0,8\mu\text{L}$</p> <p>Que thử sử dụng được cho dòng máy Onetouch Ultra hoặc tương đương</p> | test |
| 21 | Test nhanh kháng nguyên viêm gan B (HBsAg) | <p>Phân loại D, có giấy phép lưu hành do Bộ Y Tế cấp, có phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán TTBYT B,C,D</p> <ul style="list-style-type: none"> * Có phiếu kiểm nghiệm * Giúp xác định chẩn đoán nhiễm siêu vi B. HBsAg phát hiện kháng nguyên bề mặt siêu vi B trong huyết tương hoặc huyết thanh bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. <p>Đóng gói: 40 test/Hộp</p> | test |
| 22 | Bông gòn viên | <p>Bông gòn viên tiệt trùng hút chân không, được làm từ 100% bông tự nhiên, sản xuất theo tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam. Kích thước 2cm x 3cm. Đồng đều về kích thước và trọng lượng, khả năng thấm hút cao và nhanh. Mịn màng, mềm mại và không gây kích ứng da, thân thiện môi trường, bông trắng và sạch.</p> <p>Đóng gói: bịch/100g</p> | kg |
| 23 | Băng cá nhân | <p>Để mở ra sử dụng, tháo băng không dính keo, chống thấm nước hoặc cánh dán băng nhựa trong.</p> <p>Kích thước: 2x6cm</p> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> Vải Băng: Polyethylene, lỗ thông lớn. Gạc: Màu trắng phủ bởi lớp lưới polyethylene không gây dính giúp thay băng không đau. Keo: Acrylic | miếng |
| 24 | Bơm tiêm 3cc-kim 23G x 1" | <p>Tên: Bơm tiêm 3cc-kim 23Gx1'</p> <p>Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế</p> <p>Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa.</p> <p>Được sử dụng loại keo dính đặc biệt, mang lại độ bền chắc cho kim và đốc kim. Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường, chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. Piston di chuyển dễ dàng trong xilanh, khí và dung</p> | cái |



| STT | Tên hàng hóa | Mô tả yêu cầu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính |
|-----|------------------------|--|-------------|
| | | dịch không lọt qua gioăng ở đầu piston. Đường kính, độ dài kim, vật liệu kết cấu kim tiêm phù hợp tiêu chuẩn quốc tế: không bị gãy, không bị quăn trong điều kiện sử dụng bình thường. Khử trùng bằng khí E.O. Vô trùng - Không độc - không gây sốt Dung tích bơm tiêm: 3ml / cc Kích cỡ kim: 23Gx1' | |
| 25 | Ống nghiệm serum | - Làm từ nhựa PP tiêu chuẩn ISO 13485:2003 - Thể tích 5ml - Kích thước 12mm x 75mm - Nắp màu đỏ - Ống màu trắng trong có chứa hạt bi nhựa tròn nhỏ màu trắng poly styrene. Đóng gói: 100 ống/Khay | ống |
| 26 | Bình đựng hủy kim 6.8L | Bình nhựa HDPE màu vàng, nắp đậy màu đỏ Thể tích 6.8L. Dùng hủy kim, vật sắc nhọn. | bình |

2. Địa điểm giao hàng: tại kho của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố. Địa chỉ: 699 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

3. Thời gian thực hiện gói mua sắm: trong năm 2025

4. Các thông tin khác (nếu có): Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của hàng hóa; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế... *mp*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, K.D-VTYT (TTTP, 4b).

GIÁM ĐỐC *mp*



Nguyễn Hồng Tâm